

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 17/6/2020

V/v “Ly hôn giữa bà T và ông Đ”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu
2. Bà Trần Thị Kim Mỹ

- Thư ký phiên tòa: Ông Mai Chiến Trục – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Diệp – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 110/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2020/QĐXX-ST ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thùy T, sinh năm: 1971;

Địa chỉ: ấp H, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Trần Thanh Đ, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: ấp H, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Tất cả có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/4/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T trình bày:

Bà và ông Đ sống chung vào năm 1988, đến năm 1994 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã PN, thành phố BT vào ngày 29/9/1994 do tự nguyện. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ năm 2007 đến nay vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do ông Đ cờ bạc và có quan hệ với người phụ nữ khác. Bà T và ông Đ đã sống ly thân từ năm 2007 đến nay. Vào khoảng tháng 4/2020, khi bà T đến nhà bạn tại xã QT, huyện CT, ông Đ nghi ngờ bà T có quan hệ với

người đàn ông khác nên có báo chính quyền địa phương. Do bà T chỉ đến nhà bạn chơi, không vi phạm như ông Đ trình báo nên chính quyền địa phương không có lập biên bản. Vào ngày 19/4/2020 khi bà T đi làm về, ông Đ đã chặn xe bà T lại, đánh và chém vào tay bà T. Do thương con nên bà T không yêu cầu khởi tố đối với hành vi của ông Đ. Nay tình cảm giữa bà T và ông Đ không còn nên bà T xin ly hôn với ông Đ.

Về con chung: có 03 con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 16/4/1989, Trần Thanh C sinh ngày 06/01/1990 và Trần Thanh S sinh ngày 06/3/1993. Con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Thanh Đ trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn và điều kiện kết hôn. Tuy nhiên ông Đ không đồng ý về thời gian phát sinh mâu thuẫn mà bà T trình bày. Theo ông, vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 không phải năm 2007. Về nguyên nhân mâu thuẫn ông Đ cho rằng ông không có cờ bạc. Ông thừa nhận do bà T đi làm thành phố nên ông buồn và có quen với người phụ nữ khác nhưng tình cảm không sâu đậm. Khi vợ chồng gây cãi thì thỉnh thoảng ông có lớn tiếng với bà T. Tháng 4/2020 ông phát hiện bà T đang ở nhà của ông B tại xã QT, huyện CT nên có báo ủy ban xã QT đến tại nhà ông B. Ông B ra mở cửa nói không có bà T ở trong nhà, sau khi công an đòi xét nhà thì ông B mới kêu bà T lúc này đang ở trong phòng đi ra. Trong nhà khi đó chỉ có bà T và ông B, không còn người nào khác. Tuy nhiên chính quyền địa phương không có lập biên bản sự việc này. Ngày 19/4/2020, ông theo dõi phát hiện bà T chạy về hướng CT, trong lúc tức giận ông có chém vào cánh tay bà T bằng con dao đem theo để đốn cây, làm vườn. Ông và bà T chỉ mới ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Nay bà T xin ly hôn ông không đồng ý vì vẫn còn thương bà T. Ông đã nhiều lần năn nỉ bà T nhưng bà T không đồng ý.

Về con chung: có 03 con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 16/4/1989, Trần Thanh C sinh ngày 06/01/1990 và Trần Thanh S sinh ngày 06/3/1993. Con chung đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị Thùy T về việc xin ly hôn với ông Trần Thanh Đ. Về con chung: bà T và ông Đ có 03 con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 16/4/1989, Trần Thanh C sinh ngày 06/01/1990 và Trần Thanh S sinh ngày 06/3/1993 đều đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị Thùy T khởi kiện bị đơn ông Trần Thanh Đ. Hiện nay, ông Đ đang cư trú tại số nhà ấp H, xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Bà T và ông Đ tự nguyện kết hôn vào năm 1988, có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã PN, thành phố BT, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29 tháng 9 năm 1994 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Hội đồng xét xử xét thấy, tuy bà T và ông Đ trình bày không thống nhất về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cũng như thời gian vợ chồng ông bà sống ly thân với nhau nhưng mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của ông bà thực tế là có xảy ra. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2020 và biên bản hòa giải ngày 06/5/2020, ông Đ thừa nhận có quan hệ với người phụ nữ khác khi bà T đi làm xa, cũng như có hành vi gây thương tích cho bà T. Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/5/2020, anh Trần Thanh S – con chung của bà T và ông Đ cho biết ông Đ thường xuyên đánh đề rồi kiếm chuyện với bà T, ông Đ và bà T thường xuyên mâu thuẫn với nhau. Những lần gây cãi, ông Đ hay đánh bà T, bà T đã chịu đựng nhiều năm vì con nhưng ông Đ vẫn không thay đổi. Ông Đ không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương bà T, tuy nhiên ông không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà còn có hành động gây tổn hại đến sức khỏe và tinh thần của bà T. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: có 03 con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 16/4/1989, Trần Thanh C sinh ngày 06/01/1990 và Trần Thanh S sinh ngày 06/3/1993. Con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông Đ cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà T phải chịu, theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[6] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lê Thị Thùy T và ông Trần Thanh Đ.
2. Về con chung: có 03 con chung tên Trần Thị Ngọc T, sinh ngày 16/4/1989, Trần Thanh C sinh ngày 06/01/1990 và Trần Thanh S sinh ngày 06/3/1993. Con chung đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.
3. Về tài sản chung, nợ chung: bà T và ông Đ cùng khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết
4. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0008957 ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP BT;
- UBND xã PN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương